

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀM YÊN
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **141/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 30 - 5 - 2024

“V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM YÊN, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Thiết.

2. Ông Nguyễn Việt Phương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Hứa Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30/5/2024 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức số hóa hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 54/2024/TLST-HNGĐ ngày 15/3/2024 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 07/5/2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đặng Thị T, sinh năm 2000.

- **Bị đơn:** Anh Triệu Văn D, sinh năm 1997.

Cùng nơi cư trú: Thôn 1 N, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Chị T và anh D đều vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải và biên bản làm việc, nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày.*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Triệu Văn D được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 29/5/2018 tại UBND xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, đến tháng 8 năm 2023 thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng. Chị xác

định không còn tình cảm với anh D, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị với anh D đã quá căng thẳng, trầm trọng, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi, không ai quan tâm gì đến nhau. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Triệu Văn D theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Chị và anh Triệu Văn D có 02 con chung là cháu Triệu Văn L, sinh năm 29/9/2016 và cháu Triệu Quốc K, sinh ngày 22/4/2019. Ly hôn chị nhất trí để anh Triệu Văn D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung đến khi trưởng thành và chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D cho cháu L và cháu K với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/cháu/tháng (tức 2.000.000 đồng/2cháu/tháng); Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng; Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 4 năm 2024 cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, đất đai chung: Chị và anh Triệu Văn D không có, không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Về công nợ chung: Chị và anh Triệu Văn D không có, không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Tại phiên tòa, chị Đặng Thị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, chị T giữ nguyên ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

** Theo biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải và biên bản lấy lời khai (bổ sung), bị đơn anh Triệu Văn D trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đặng Thị T kết hôn với nhau ngày 29/5/2018 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục, tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống và sau đó chị T bỏ đi không chung sống cùng gia đình anh nữa. Anh xác định mâu thuẫn vợ chồng không đoàn tụ được, chị T xin ly hôn thì anh cũng nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị Đặng Thị T có 02 con chung là cháu Triệu Văn L, sinh ngày 29/9/2016 và cháu Triệu Quốc K, sinh ngày 22/4/2019. Khi ly hôn, để ổn định việc học hành, sinh hoạt của các cháu thì anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung đến khi trưởng thành và anh yêu cầu chị Đặng Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh cho cháu L và cháu K với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/cháu/tháng (tức 2.000.000 đồng/2cháu/tháng); Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng; Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 4 năm 2024 cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, đất đai chung: Anh và chị Đặng Thị T không có, không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

- Về công nợ chung: Anh và chị Đặng Thị T không có, không đề nghị Tòa án giải quyết khi ly hôn.

Tại phiên tòa, anh Triệu Văn D vắng mặt. Tại biên bản ghi lời khai (bổ sung) ngày 11/4/2024 anh D đề nghị xét xử vắng mặt anh tại phiên tòa và anh giữ nguyên các ý kiến đã trình bày nêu trên, không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì khác.

Tòa án tiến hành lấy ý kiến của cháu Triệu Văn L, sinh ngày 29/9/2016 (là con chung của chị Đặng Thị T và anh Triệu Văn D). Cháu Lục trình bày khi bố mẹ cháu giải quyết ly hôn, cháu có nguyện vọng được trực tiếp ở cùng với bố cháu là Triệu Văn D. Cháu tự nguyện ở với bố cháu và không bị ai ép buộc gì.

Về tài liệu, chứng cứ: Các đương sự cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm:

- Nguyên đơn chị Đặng Thị T cung cấp cho Tòa án: Đơn khởi kiện; Trích lục kết hôn (bản sao); Căn cước công dân mang tên Đặng Thị T (bản sao chứng thực); Giấy khai sinh của con chung (bản sao chứng thực); Xác nhận thông tin về cư trú (bản chính);

- Bị đơn anh Triệu Văn D cung cấp cho Tòa án: Căn cước công dân mang tên Triệu Văn D (bản phô tô).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên đã tiến hành hòa giải cho các bên đương sự suy nghĩ lại tình cảm để quay về hàn gắn, đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Vì vậy Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- *Về tố tụng:* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự:* Nguyên đơn chị Đặng Thị T và bị đơn anh Triệu Văn D đều chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

- *Về việc giải quyết vụ án:* Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị T với anh Triệu Văn D.

- Về con chung: Giao cả hai con chung là cháu Triệu Văn L, sinh ngày 29/9/2016 và cháu Triệu Quốc K, sinh ngày 22/4/2019 cho anh Triệu Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Chị Đặng Thị T có trách

nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Triệu Văn D cho cháu L và cháu K với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/cháu/tháng (tức 2.000.000đồng/2cháu/tháng); Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng; Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 4/2024 cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi; Chị Đặng Thị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

- Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng thuộc trường hợp được miễn nên đề nghị miễn toàn bộ số tiền án phí cho chị T theo quy định của pháp luật; Anh Triệu Văn D không phải chịu tiền án phí.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo bản án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền*: Chị Đặng Thị T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Triệu Văn D nên xác định đây là vụ án “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Hiện nay bị đơn anh Triệu Văn D là công dân đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn 1 N, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về việc vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa*: Tại phiên tòa các đương sự đều vắng mặt và có đơn, ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị T và anh Triệu Văn D được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 29/5/2018 tại UBND xã Yên Lâm, huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị T và anh D là hợp pháp.

Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng trong thời gian đầu chung sống bình thường, đến tháng 8 năm 2023 thì chị T và anh D xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị T và anh D là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống. Chị T xác định không còn tình cảm với anh D, mâu thuẫn vợ chồng đã quá căng thẳng, trầm trọng, không thể đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Thực tế chị T và anh D đã sống ly thân nhau mỗi người một nơi, không ai quan tâm thăm hỏi gì đến nhau nữa. Đồng thời anh D cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị T, chị T làm đơn ly hôn

anh D nhất trí thuận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh D đã quá căng thẳng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể đoàn tụ để xây dựng hạnh phúc gia đình và nuôi dạy con cái. Vì vậy, cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị T với anh Triệu Văn D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị Đặng Thị T và anh Triệu Văn D có 02 con chung là cháu Triệu Văn L, sinh ngày 29/9/2016 và cháu Triệu Quốc K, sinh ngày 22/4/2019.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi chị T và anh D sống ly thân nhau đến nay thì cả hai con chung là cháu L và cháu K vẫn trực tiếp ở cùng anh D và do anh D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ly hôn anh Triệu Văn D có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai con chung đến khi trưởng thành và anh yêu cầu chị Đặng Thị T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh cho cháu L và cháu K với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/cháu/tháng (tức 2.000.000 đồng/2cháu/tháng); Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng; Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 4 năm 2024 cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi; Quá trình giải quyết vụ án, chị Đặng Thị T nhất trí với ý kiến, yêu cầu của anh Triệu Văn D về quyền nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần tuyên xử cho anh Triệu Văn D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung; Chị Đặng Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh D cho cháu L và cháu K với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/cháu/tháng (tức 2.000.000đồng/2cháu/tháng); Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng; Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 4/2024 cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi; Chị Đặng Thị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn là phù hợp với quy định của pháp luật. .

[4] Về tài sản chung, đất đai chung: Chị Đặng Thị T và anh Triệu Văn D cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về công nợ chung: Chị Đặng Thị T và anh Triệu Văn D cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Đặng Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, tuy nhiên chị T được miễn toàn bộ số tiền án phí trên do là người dân tộc thiểu số cư trú tại địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật; Anh Triệu Văn D không phải chịu tiền án phí.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, các Điều 147, 227, 228, 235, 238, 266, 267, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Đặng Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị T với anh Triệu Văn D.

2. Về con chung: Giao các con chung là cháu Triệu Văn L, sinh ngày 29/9/2016 và cháu Triệu Quốc K, sinh ngày 22/4/2019 cho anh Triệu Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Chị Đặng Thị T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Triệu Văn D cho cháu Triệu Văn L và cháu Triệu Quốc K với mức cấp dưỡng là 1.000.000 đồng/cháu/tháng (tức 2.000.000đồng/2cháu/tháng); Phương thức cấp dưỡng được thực hiện định kỳ hàng tháng; Thời hạn cấp dưỡng kể từ tháng 4/2024 cho đến khi cả hai cháu đủ 18 tuổi; Chị Đặng Thị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở; Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

Khoản tiền phải cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật và anh Triệu Văn D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Đặng Thị T chậm nộp thì phải chịu thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm nộp tương ứng với thời gian chậm nộp. Lãi suất phát sinh thực hiện theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự.

3. Về án phí:

+ Chị Đặng Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng số tiền án phí chị Đặng Thị T phải nộp là 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng), nhưng chị T được miễn toàn bộ số tiền án phí trên do thuộc trường hợp là người dân tộc thiểu số (dân tộc Dao) cư trú tại thôn 1 N, xã Y, huyện H, tỉnh Tuyên Quang là địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

+ Anh Triệu Văn D không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Đặng Thị T và anh Triệu Văn D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Hàm Yên;
- Chi cục THADS huyện Hàm Yên;
- UBND xã Yên Lâm (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Tùng